

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 23 - 11 - 2017

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Xuân Trúc

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 86/2017/HNGĐ-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nbi kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ Ph, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Thị X(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Ng (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5. Ban quản lý rừng phòng hộ N(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bị đơn là anh Nguyễn Duy Kh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Mỹ Ph trình bày:

Chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện P, tỉnh Cà Mau. Chị Phxác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh Khđi đâu làm gì là tự quyết định Chị Phkhông biết. Chị Phxét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Chị Phvà anh Khcó 02 người con chung tên: Nguyễn Gia L, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Gia A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011. Sau khi ly hôn Chị Phyêu cầu xin được nuôi Nguyễn Gia A, anh Khnuôi Nguyễn Gia L, Chị Phkhông yêu cầu anh Khcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm: 01 phần đất nuôi tôm có diện tích 5,8 ha, tại ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Chị Phthống nhất trị giá 1.050.000.000 đồng; 01 vỏ máy xe trị giá 35.000.000 đồng. Chị Phyêu cầu chia đôi, Chị Phnhận tiền, giao đất nuôi tôm và vỏ máy lại cho anh Khquản lý.

Về nợ thu: Chị Phxác định cha mẹ chồng là bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M nợ 118.000.000 đồng, sau khi trừ qua các khoản nợ thì bà Đ và ông Mcòn nợ 40.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k; mẹ ruột Chị Phlà bà Nguyễn Thị Xnợ 20.000.000 đồng. Chị Phyêu cầu bà Đ, ông Mvà bà X trả lại và thống nhất chia hai với anh K.

Về nợ trả: Khoản nợ tiền mượn đất nuôi tôm hàng năm tổng cộng 75.000.000 đồng, Chị Phđã thanh toán cho bà Đ xong, Chị Phkhông thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 70.000.000 đồng do bà Đ cho rằng vợ chồng mượn để cất nhà. Đối với số tiền vay Ngân hàng N chi nhánh huyện N100.000.000 đồng, nợ này anh Kh đứng tên vay dùm cho cha mẹ chồng là bà Đ và ông M, vợ chồng không dùng vào mục đích gia đình nên không đồng ý chia đôi với anh Khđể thanh toán nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Duy Kh trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như Chị Phtrình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng không có phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng Chị Phyêu cầu ly hôn anh Khđồng ý.

Về con chung: Có 02 người con tên, tuổi như Chị Phtrình bày là đúng. Sau khi ly hôn anh Khthống nhất nuôi Nguyễn Gia L, giao Nguyễn Gia A cho Chị Phnuôi. Anh Khkhông yêu cầu Chị Phcấp dưỡng nuôi con và anh Khcũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2017 anh Khxác định diện tích đất vuông 5,8 ha tại ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Anh Khđưa ra giá trị 900.000.000 đồng, không thống nhất chia đôi giá trị bằng tiền mà chỉ đồng ý cất đất để chia mỗi người nhận một phần. Tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2017 và biên bản ngày 29/5/2017, anh Khtrình bày nếu Tòa án xác định phần đất vuông 5,8 ha là tài sản chung thì anh Khvẫn đồng ý cất đất chia đôi mỗi người một phần, không thống nhất chia giá trị bằng tiền, anh Khthống nhất giá trị phần đất mà Chị Phđưa ra là 1.050.000.000 đồng. Đối với vỏ máy xe anh Khthống nhất giá trị 35.000.000 đồng, đồng ý chia hai anh Khxin nhận tiền giao vỏ máy lại cho chị Ph.

Về nợ thu: Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2017 anh Khxác định là cha mẹ anh là bà Đ và ông Mcó nợ vợ chồng anh là 40.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k;

mẹ vợ anh là bà X nợ 20.000.000 đồng. Anh Khyêu cầu thu lại và chia đôi số nợ trên với chị Phương.

Về nợ trả: Nợ Ngân hàng N huyện N là 100.000.000 đồng yêu cầu chia hai với Chị Phở trả. Vì nợ này vay nhằm phục vụ mục đích gia đình.

Đối với khoản nợ tiền cát nhà của cha mẹ anh là bà Đ và ông M 70.000.000 đồng là có, đối với khoản tiền mượn vuông năm đầu có trả 25.000.000 đồng, những năm sau anh không nhớ rõ có trả hay chưa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà Đ xác định vợ chồng Phương và K còn nợ bà hai khoản nợ đó là tiền mượn vuông 75.000.000 đồng, tiền mượn cát nhà 70.000.000 đồng, tổng cộng là 145.000.000 đồng và yêu cầu Phương và K trả lại cho bà Đ. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà Đ thừa nhận còn nợ vợ chồng Phương, K còn 05 chỉ vàng 24k bà không có nợ nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M xác định phần đất 5,8 ha tại ấp K vào năm 2006, ông M có hợp gia đình giao lại phần đất cho con là Nguyễn Duy Kh đứng tên quản lý phần đất này. Sau khi anh Kh và Chị Ph kết hôn thì ông cho vợ chồng K mượn lại với số tiền 25.000.000 đồng/năm, mỗi năm giảm xuống 5.000.000 đồng, khi nào còn 5.000.000 đồng/năm thì trả cho ông M cho đến khi có di chúc thì không phải trả nữa. Ông M xác định khi nào có di chúc thì mới cho K toàn quyền sử dụng, đất này chỉ cho riêng anh Kh không phải cho vợ chồng K nên không đồng ý chia đất cho chị Phương. Còn khoản nợ 40.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k ông M không biết rõ, vì khoảng thời gian này ông M đi nuôi tôm ở Phú Tân không có ở nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X thừa nhận có nợ vợ chồng anh Kh và Chị Ph 20.000.000 đồng và đồng ý trả khi nào vụ kiện ly hôn giải quyết xong. Bà X có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ban quản lý rừng phòng hộ N xác định: Ngày 26/4/1999, Hộ gia đình ông Nguyễn Thành Song được hợp đồng giao khoán đất Lâm nghiệp tại thửa số 506, khoảnh 43, tiểu khu 211, diện tích giao khoán là 3,9 ha. Đến ngày 12/4/2012 ông Song có đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Duy Kh. Ngày 30/02/2015 ông Nguyễn Duy Kh được thiết lập hợp đồng nhưng phải bổ sung hồ sơ. Sau khi bổ sung hồ sơ thì ngày 23/7/2015 ông K được giao sổ hợp đồng giao khoán số 1268. Vị trí thửa đất số 187, 188, khoảnh 42, tiểu khu 211, diện tích 58.100,5m², diện tích thay đổi là do căn cứ vào trích lục địa chính ngày 22/10/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên Môi trường trích lục. Thời hạn hợp đồng là 20 năm. Hợp đồng cấp cho ông Nguyễn Duy Kh là hợp đồng cấp cho Hộ gia đình, đại diện là ông Nguyễn Duy Kh đứng tên. Ngoài ra Ban quản lý còn xác định việc chia cắt đất chỉ thực hiện được khi đường chia cắt không làm ảnh hưởng đến rừng và đất rừng, đồng thời phải đảm bảo việc khôi phục đất rừng theo quy định. Ban quản lý xin vắng mặt khi xét xử.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 86/2017/HNGĐ-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Mỹ Ph đối với anh Nguyễn Duy Kh.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Gia A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 cho chị Trần Mỹ Ph nuôi dưỡng. Giao con tên Nguyễn Gia L, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2007 cho anh Nguyễn Duy Kh nuôi dưỡng.

Chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của nhau.

- Về tài sản: Anh Nguyễn Duy Kh được quản lý, sử dụng diện tích đất 58.100,5 m² theo sổ hợp đồng giao khoán số 1268 vị trí thửa số 187, 188, khoảnh 42, tiểu khu 211, tại ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Anh Nguyễn Duy Kh có nghĩa vụ giao lại cho chị Trần Mỹ Ph giá trị bằng tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với phần tài sản là 01 vỏ máy xe, Chị Ph và anh Kh thống nhất là tài sản chung và thống nhất giá trị 35.000.000 đồng, vỏ máy xe hiện nay do anh Kh quản lý nên anh Kh tiếp tục được quản lý và có nghĩa vụ giao lại cho Chị Ph giá trị bằng tiền là 17.500.000 đồng.

- Về nợ thu: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh về yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M thanh toán nợ. Buộc bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M thanh toán cho chị Trần Mỹ Ph là 20.000.000 đồng; thanh toán cho ông Nguyễn Duy Kh 20.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu còn lại của chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh là 05 chỉ vàng 24k, trị giá chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh thống nhất là 16.500.000 đồng.

- Về nợ trả: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Đ. Buộc chị Trần Mỹ Ph, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ 37.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ với số tiền 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 anh Kh có đơn kháng cáo, anh không đồng ý giao Chị Ph 450.000.000 đồng vì phần đất diện tích 58.100,5m² không phải là tài sản chung mà là tài sản của cha mẹ anh Kh cho riêng anh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Kh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung đơn kháng cáo của anh Nguyễn Duy Kh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất này nguồn gốc trước đây là của ông M và bà Đ được anh K và Chị Ph thừa nhận, nhưng theo hồ sơ thể hiện ngày 26/4/1999, hộ gia đình ông Nguyễn Thành Song được hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp tại thửa số 506, khoảnh 43,

tiểu khu 211, diện tích giao khoán là 3,9 ha. Đến ngày 12/4/2012 ông Song có đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động lại cho Hộ gia đình ông Nguyễn Duy Kh. Ngày 30/02/2015 ông Nguyễn Duy Kh được thiết lập hợp đồng nhưng phải bổ sung hồ sơ. Sau khi bổ sung hồ sơ thì ngày 23/7/2015 ông K được giao sổ hợp đồng giao khoán số 1268. Vị trí thửa đất số 187, 188, khoảnh 42, tiểu khu 211, diện tích 58.100,5m², diện tích thay đổi là do căn cứ vào trích lục địa chính ngày 22/10/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường trích lục. Thời hạn hợp đồng là 20 năm. Hợp đồng cấp cho ông Nguyễn Duy Kh là hợp đồng cấp cho hộ gia đình, đại diện là ông Nguyễn Duy Kh đứng tên. Tuy nhiên trước đây anh Kh được ông M và bà Đ hợp gia đình phân chia đất cho anh Kh đứng tên quản lý có sự chứng kiến của ông Triệu, ông Cảnh và bà Tư vào năm 2006. Vì vậy xác định diện tích đất trên là của anh Nguyễn Duy Kh.

Năm 2007 anh Kh và Chị Ph kết hôn và sau đó cả anh Kh và Chị Ph trực tiếp quản lý đất để canh tác phục vụ cuộc sống gia đình. Mặc dù đất ông M và bà Đ đã giao cho anh Kh quản lý nhưng theo thỏa thuận thì anh Kh và Chị Ph phải trả lại tiền thuê đất hàng năm cho ông M và bà Đ, mỗi năm 25.000.000 đồng, đây là thỏa thuận cho đất có điều kiện.

Năm 2015 anh Kh được Ban quản lý rừng phòng hộ N là cơ quan quản lý đất ký hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 1268 với diện tích là 58.100,5m². Vị trí thửa số 187, 188, khoảnh 42, tiểu khu 211 theo đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trích lục. Đất này anh Kh và Chị Ph vẫn trực tiếp canh tác.

Tại Công văn số 54/BQL ngày 23/8/2017 và công văn bổ sung số 68/BQL ngày 01/9/2017, Ban quản lý rừng phòng hộ N xác định phần đất 58.100,5m² là phần đất được cấp cho hộ gia đình, người đại diện đứng tên là ông Nguyễn Duy Kh. Như vậy, mặc dù đất trước đây anh Kh được cha mẹ cho riêng nhưng anh Kh đã tự nguyện sáp nhập là tài sản chung của anh và Chị Ph nên khi xác lập hợp đồng giao khoán đất thì anh Kh đồng ý để Ban quản lý rừng phòng hộ N ký hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho hộ gia đình anh Kh vào năm 2015. Vì vậy xác định diện tích đất 58.100,5 m² là tài sản chung của vợ chồng Chị Ph và anh K.

Tuy nhiên, xét về nguồn gốc đất, điều kiện để Chị Ph và anh K có được tài sản chung, phần đất này thì công sức đóng góp của Chị Ph là ít hơn so với anh K. Do đó cấp sơ thẩm chia cho anh K nhiều hơn so với Chị Ph trong giá trị phần đất có diện tích 58.100,5m² là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Ph và anh K thống nhất giá trị đất là 1.050.000.000 đồng.

Do toàn bộ phần đất hiện nay anh K đang quản lý, Chị Ph yêu cầu chia giá trị bằng tiền và giao đất cho anh K tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất theo sổ hợp đồng là 58.100,5m². Anh K phải chia lại cho Chị Ph giá trị bằng tiền là 450.000.000 đồng, anh K được hưởng giá trị là 600.000.000 đồng là phù hợp.

Riêng đối với phần tài sản là 01 vỏ máy xe, Chị Ph và anh K thống nhất là tài sản chung và thống nhất giá trị 35.000.000 đồng, vỏ máy xe hiện nay do anh K quản lý nên anh K tiếp tục được quản lý và có nghĩa vụ giao lại cho Chị Ph giá trị bằng tiền là 17.500.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Kh không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh Kh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Kh nên anh Kh phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy Kh.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 86/2017/HNGĐ-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N.

- Về tài sản: Anh Nguyễn Duy Kh được trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất 58.100,5 m² theo sổ hợp đồng giao khoán số 1268 vị trí thửa số 187, 188, khoảnh 42, tiểu khu 211, tại ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Anh Nguyễn Duy Kh có nghĩa vụ giao lại cho chị Trần Mỹ Ph giá trị bằng tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Anh Kh được tiếp tục sở hữu một vỏ máy xe hiện nay do anh Kh quản lý, anh Kh có nghĩa vụ giao lại cho Chị Ph giá trị bằng tiền là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về nợ thu: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh về yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M thanh toán nợ.

Buộc bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M thanh toán cho chị Trần Mỹ Ph là 20.000.000 đồng; thanh toán cho ông Nguyễn Duy Kh 20.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh là 05 chỉ vàng 24k.

- Về nợ trả: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Đ.

Buộc chị Trần Mỹ Ph, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ 37.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ yêu cầu chị Trần Mỹ Ph, anh Nguyễn Duy Kh trả số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị Trần Mỹ Ph phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng. Đã qua Chị Phcó dự nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013360 ngày 09 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được đối trừ.

- Án phí chia tài sản chị Trần Mỹ Ph phải nộp là 22.700.000 đồng. Án phí có giá ngạch trên số tiền Chị Phphải trả cho bà Đ, Chị Phphải nộp là: 1.875.000 đồng. Án phí không chấp nhận yêu cầu của Chị Phvề việc yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M thanh toán 05 chỉ vàng 24k Chị Phphải nộp là: 412.500 đồng. Đã qua Chị Phcó dự nộp 15.521.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013491 ngày 08 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được đối trừ. Chị Phcòn phải tiếp tục nộp 9.466.500 đồng.

- Án phí chia tài sản anh Nguyễn Duy Kh phải nộp là: 28.700.000 đồng.

- Án phí chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ đối với bà Lê Thị Đ, anh Nguyễn Duy Kh phải nộp là 1.875.000 đồng.

Án phí không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy Kh về việc yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn M thanh toán 05 chỉ vàng 24k anh Khphải nộp là: 412.500 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có ngạch về việc yêu cầu thanh toán nợ của bà Lê Thị Đ đối với chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh không được chấp nhận, bà Lê Thị Đ phải nộp là 3.500.000 đồng.

Án phí có giá ngạch đối với khoản nợ bà Lê Thị Đ phải trả cho chị Trần Mỹ Ph và anh Nguyễn Duy Kh bà Đ phải chịu là 2.000.000 đồng. Đã qua bà Lê Thị Đ có dự nộp số tiền 3.625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013543 ngày 05 tháng 4 năm 2017 được đối trừ. Bà Lê Thị Đ còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.875.000 đồng.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Khphải chịu 300.000 đồng, đã qua anh Khcó dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013843 ngày 12/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan